

# **CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NEXSHINE**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NEXSHINE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NEXSHINE EDUCATION AND TRAINING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NEXSHINE

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110914711

**3. Ngày thành lập:** 13/12/2024

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 178 ngõ Xã Đàn 2, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913912211

Fax:

Email: [nexshineacademy@gmail.com](mailto:nexshineacademy@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | In ấn                                                                                                                                           | 1811        |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                              | 4649        |
| 3.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; tem và tiền kim khí; vàng, bạc, đá quý) | 4773        |
| 4.  | Xuất bản phần mềm                                                                                                                               | 5820        |
| 5.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                           | 6201        |
| 6.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                             | 6202        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                 | 6209        |
| 8.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                              | 6311        |
| 9.  | Cổng thông tin (loại trừ hoạt động báo chí)                                                                                                     | 6312        |
| 10. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                       | 7212        |
| 11. | Quảng cáo                                                                                                                                       | 7310        |
| 12. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                        | 7320        |
| 13. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                  | 7410        |
| 14. | Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh theo Luật Báo chí)                                                                        | 7420        |
| 15. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động của các tác giả sách khoa học và công nghệ       | 7490        |
| 16. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                         | 8110        |
| 17. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                        | 8219        |
| 18. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                       | 8230        |
| 19. | Giáo dục tiểu học                                                                                                                               | 8521        |
| 20. | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                                        | 8522        |
| 21. | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                    | 8523        |
| 22. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                  | 8531        |
| 23. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                               | 8532        |
| 24. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                | 8533        |
| 25. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                   | 8551        |
| 26. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                     | 8552        |
| 27. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động giáo dục kỹ năng sống<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng                | 8559(Chính) |
| 28. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                         | 8560        |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên       | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                     | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN HỮU HẢI       | Việt Nam  | Tây Duyên Giang, Phường Châu Giang, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam                 | 30.000.000            | 30,000    | 035097001876                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN TIẾN DŨNG     | Việt Nam  | 30 Hẻm 27 Ngách 24 Ngõ Thổ Quan, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 30.000.000            | 30,000    | 001089042829                                                                                            |         |
| 3   | TRẦN MẠNH THẮNG      | Việt Nam  | Số 8 Ngõ 7A Dã Tượng, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | 30.000.000            | 30,000    | 001091030077                                                                                            |         |
| 4   | LÊ THÁI THUYỀN TRANG | Việt Nam  | 37A Hai Bà Trưng, Phường Trảng Tiên, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | 10.000.000            | 10,000    | 001191034342                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Ho và tên: TRẦN MANH THẮNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 22/11/1991

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001091030077

Ngày cấp: 20/03/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số 8 Ngõ 7A Dã Tượng, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 8 Ngõ 7A Dã Tượng, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội